TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 61/2022/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn Trường Ch, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Ch, chị M có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ch trình bày:

Anh với chị M cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 09/02/2010. Sau thời gian chung sống với nhau thì anh cảm thấy vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi

nhau. Vợ chồng ly thân đã hơn một năm, đời sống vợ chồng không thể hòa hợp như trước được nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn với chị M.

Về con chung: Có một người con chung tên Phan Thị Mỹ Q, sinh ngày 06/3/2010. Ly hôn anh đồng ý giao cháu Q cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 800.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 13/4/2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn chị M trình bày:

Chị với anh Ch chung sống vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh Ch đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Ch.

Về con chung: Có một người con chung tên Phan Thị Mỹ Q, sinh ngày 06/3/2010. Ly hôn chị yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q, yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ch với chị M chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/02/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Ch với chị M là hợp pháp. Anh Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn như trên nên anh Ch yêu cầu xin ly hôn với chị M. Chị M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Ch. Xét anh Ch và chị M tự nguyện thuận tình ly hôn, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Ch và chị M có một người con chung tên Phan Thị Mỹ Q, sinh ngày 06/3/2010.

Ly hôn anh Ch và chị M thỏa thuận giao cháu Q cho chị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét sự thỏa thuận này của anh Ch và chị M là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Xét chị M yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 1.000.000 đồng, thấy: Anh Ch không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng mà chị M yêu cầu 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với khả năng của anh Ch vì anh Ch xác định anh là con út, sống chung với cha mẹ và cùng canh tác khoảng 7 công Sầu Riêng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị M.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ch và chị M xác định tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Ch phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn Trường Ch và chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Ch và chị M như sau: Giao cháu Phan Thị Mỹ Q, sinh ngày 06/3/2010 cho chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Ch có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, giáo dục, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Buộc anh Phan Văn Trường Ch phải cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Mỹ Q, sinh ngày 06/3/2010, mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Ch chậm thi hành tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Án phí: Anh Phan Văn Trường Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ch đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001741 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh Ch phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

5. Anh Ch, chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức